

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới nhờ lực cầu bắt đáy sau phiên giảm mạnh hôm qua

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm theo diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

PGD, VND

## [Quan điểm đầu tư]

Sau khi chốt lời 1 phần trong những phiên trước, NĐT được khuyến nghị có thể mở lại từng phần vị thế trading ngắn hạn quanh vùng hỗ trợ của các mã mục tiêu.

25/2/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,498.89	+0.27
VN30	1,526.50	+0.29
HĐTL VN30F1M	1,517.00	+0.15
HNXIndex	440.16	+1.21
HNX30	796.69	+1.53
UPCoM	112.66	+0.30
USD/VND	22,830	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.21	-1
Lãi suất qua đêm (%)	2.46	+19
Dầu (WTI, \$)	94.21	+1.51
Vàng (LME, \$)	1,911.83	+0.42

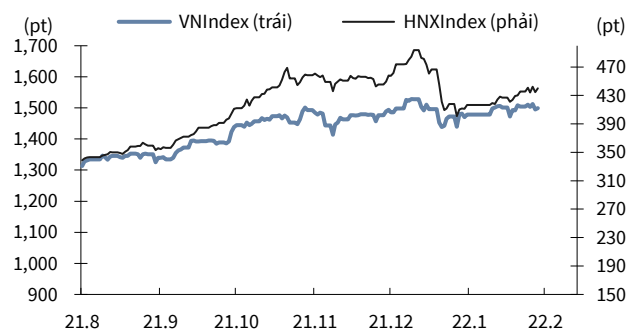


# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,498.89 (+0.27%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>768.0 (-29.0%)</b>
<b>GTGD (triệu U\$)</b>	<b>1,122.3 (-26.8%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>440.16 (+1.21%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>105.8 (-36.6%)</b>
<b>GTGD (triệu U\$)</b>	<b>136.1 (-34.5%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>112.66 (+0.30%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>123.6 (-3.7%)</b>
<b>GTGD (triệu U\$)</b>	<b>78.5 (-26.0%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu U\$)</b>	<b>-3.4</b>

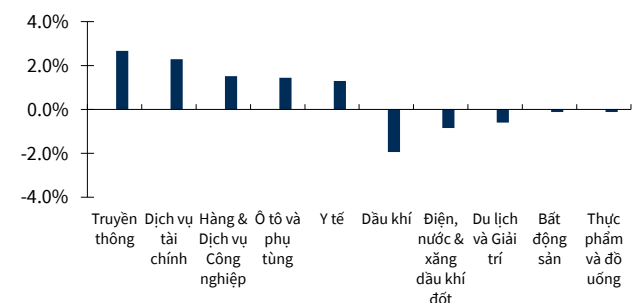
TTCK Việt Nam tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới nhờ lực cầu bắt đáy sau phiên giảm mạnh hôm qua. Đại diện Hiệp hội xuất khẩu và chế biến thủy sản, dự báo giá xuất khẩu cá tra ở tất cả thị trường đều tăng, xuất khẩu cá tra trong năm 2022 tăng từ 20 - 25% so với năm 2021 giúp cổ phiếu thủy sản tăng giá ở ASM (+1.2%), ANV (+0.7%). Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam bất ngờ tăng mạnh từ 5-10 USD/tấn, trong khi giá gạo xuất khẩu của Thái Lan tiếp tục giảm thêm 1-4 USD/tấn và dự kiến xuất khẩu gạo sẽ khởi sắc vào tháng 3.2022 khi nguồn cung gạo từ vụ đông xuân 2021-2022 dồi dào hơn tác động tích cực đến cổ phiếu ngành gạo ở LTG (+7.5%), TAR (+6.2%). Cổ phiếu ngành gỗ tăng giá ở PTB (+0.5%), GTA (+0.4%) trước thông tin Viforest nhận định ngành gỗ có nhiều yếu tố hỗ trợ từ phía thị trường để tăng xuất khẩu trong năm 2022, đặc biệt là các thị trường Mỹ, EU và xuất khẩu gỗ và lâm sản năm 2022 có thể vượt mục tiêu 16 tỉ USD. Khối ngoại bán ròng ở HPG (-0.2%), VND (+2.8%), CTG (0%).

## VNIndex & HNXIndex



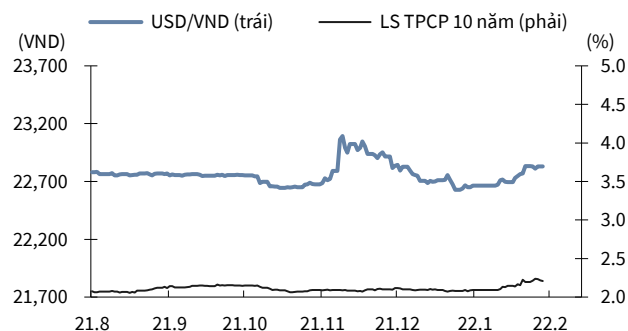
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



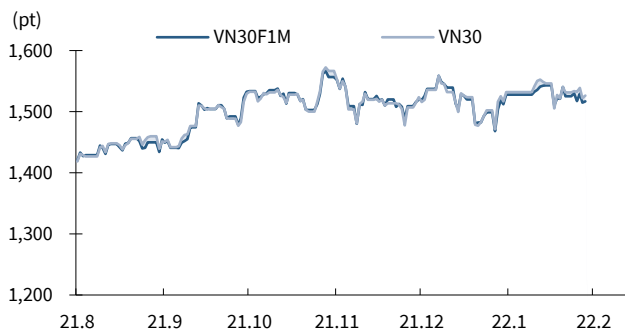
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,526.50 (+0.29%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,517.0 (+0.15%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,526.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,529.9</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,517.0</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>128,234 (-37.6%)</b>

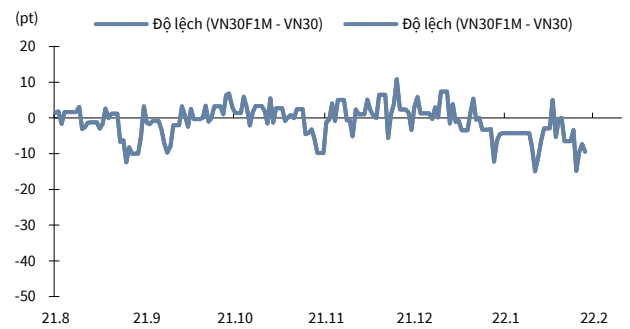
Các HĐTL tăng điểm theo diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2203 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức cao nhất ngày 5.66 điểm, sau đó duy trì ở mức âm với biên độ rộng bởi tâm lý lo ngại của nhà đầu tư trước tình hình chính trị căng thẳng giữa Ukraine và Nga, và đóng cửa ở mức -9.5 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm mạnh.

### HĐTL VN30F1M & VN30



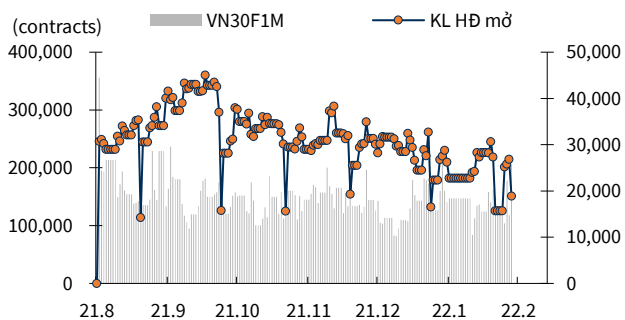
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



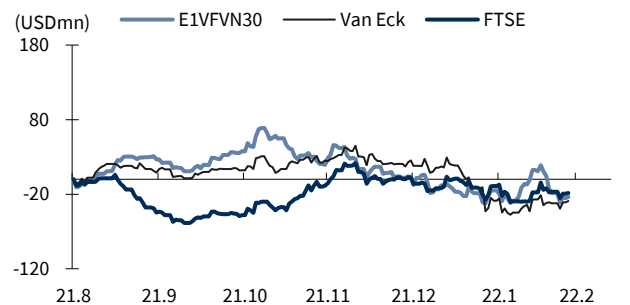
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

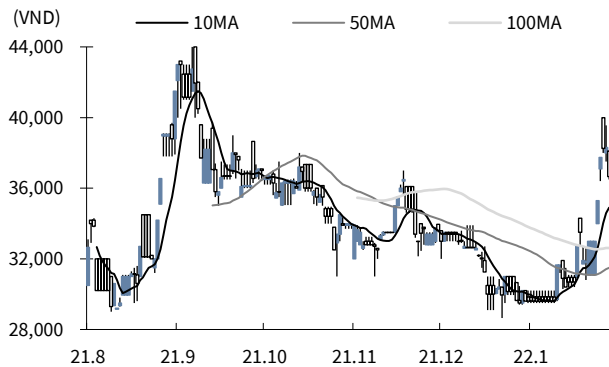
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PGD)

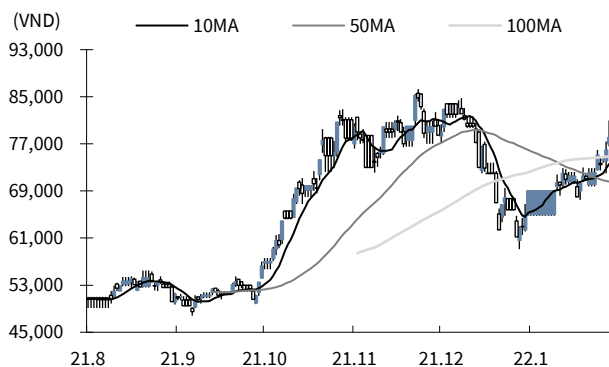


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PGD giảm 4.31% xuống 36,650 VND/cp

- Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 với lợi nhuận 205.1 tỷ đồng và doanh thu 9,303.7 tỷ đồng, giảm 19,3% và tăng 3.4% so với thực hiện năm trước, trên cơ sở giá dầu 60 USD/thùng, tỷ giá 23,800 đồng/USD. Chính sách cổ tức dự kiến là 18%, tương đương tỷ lệ năm ngoái.

## Chứng khoán VNDirect (VND)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

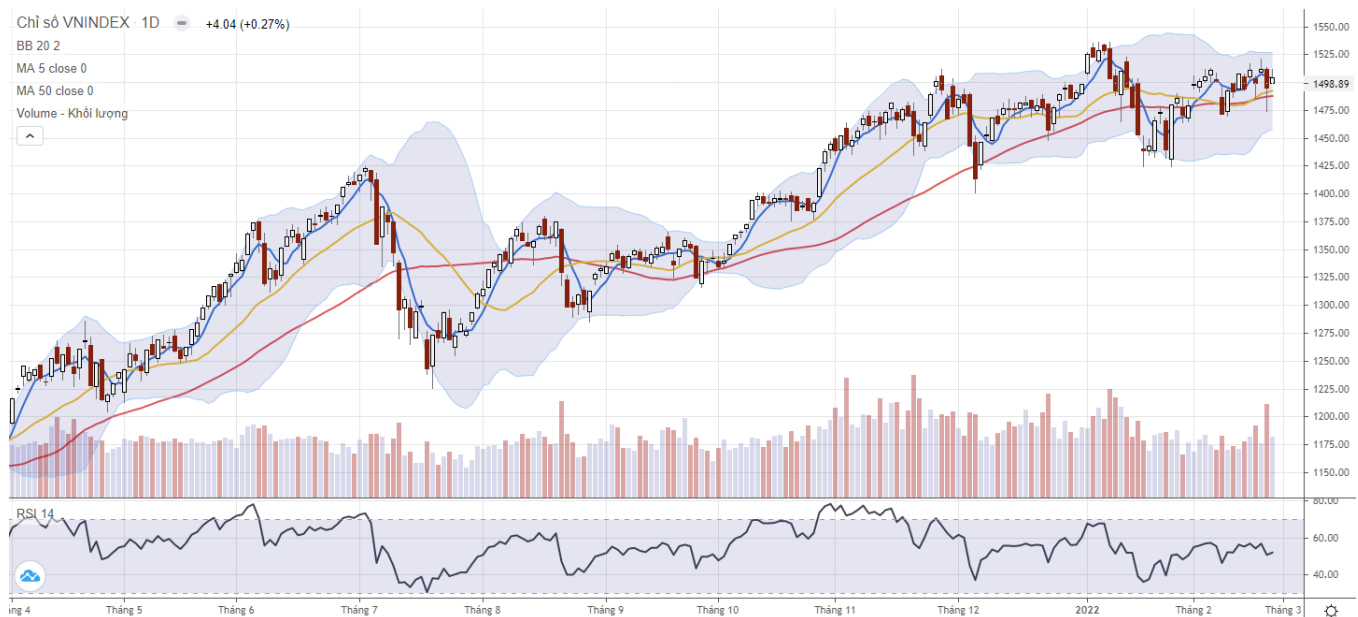
- VND tăng 2.76% lên 78,100 VND/cp

- VNDirect được chấp thuận phát hành 782.9 triệu cổ phiếu, trong đó 434.9 triệu đơn vị là chào bán ra công chúng theo tỷ lệ 1:1 và 347.9 tỷ là thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 80%. Sau phát hành, doanh nghiệp dự kiến tăng vốn từ 4,349 tỷ đồng lên 12,178 tỷ đồng để tăng quy mô vốn hoạt động, mở rộng năng lực cho vay ký quỹ... Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế quyền chuyển nhượng.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

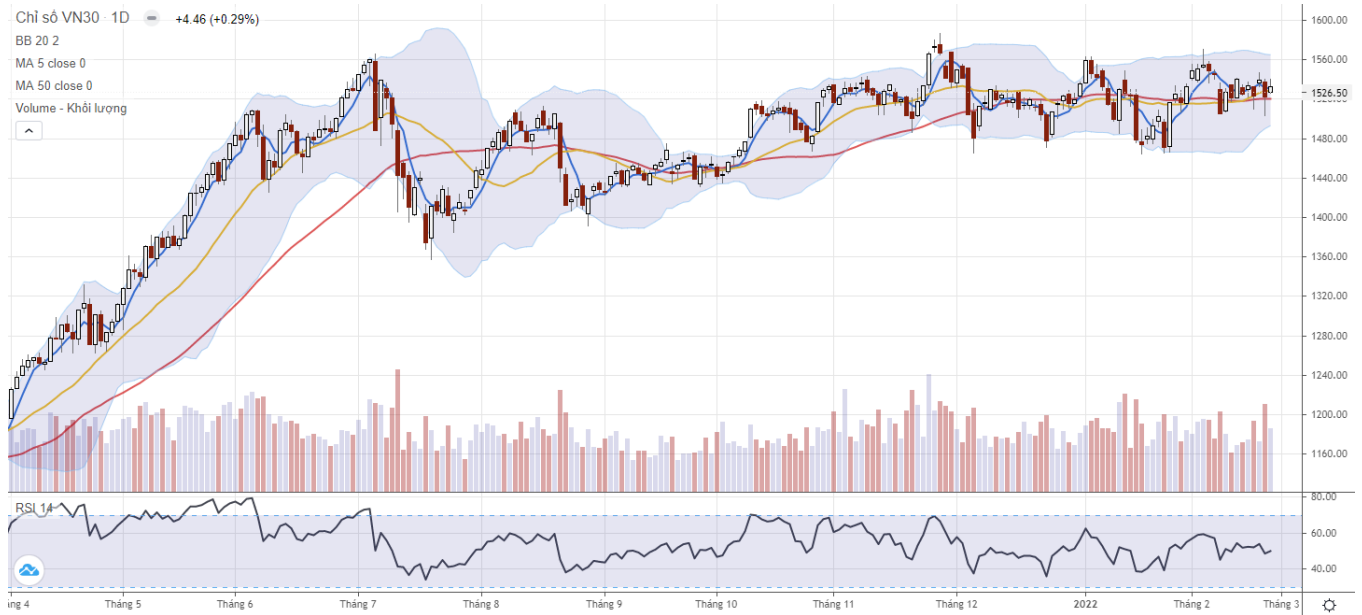
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNINDEX



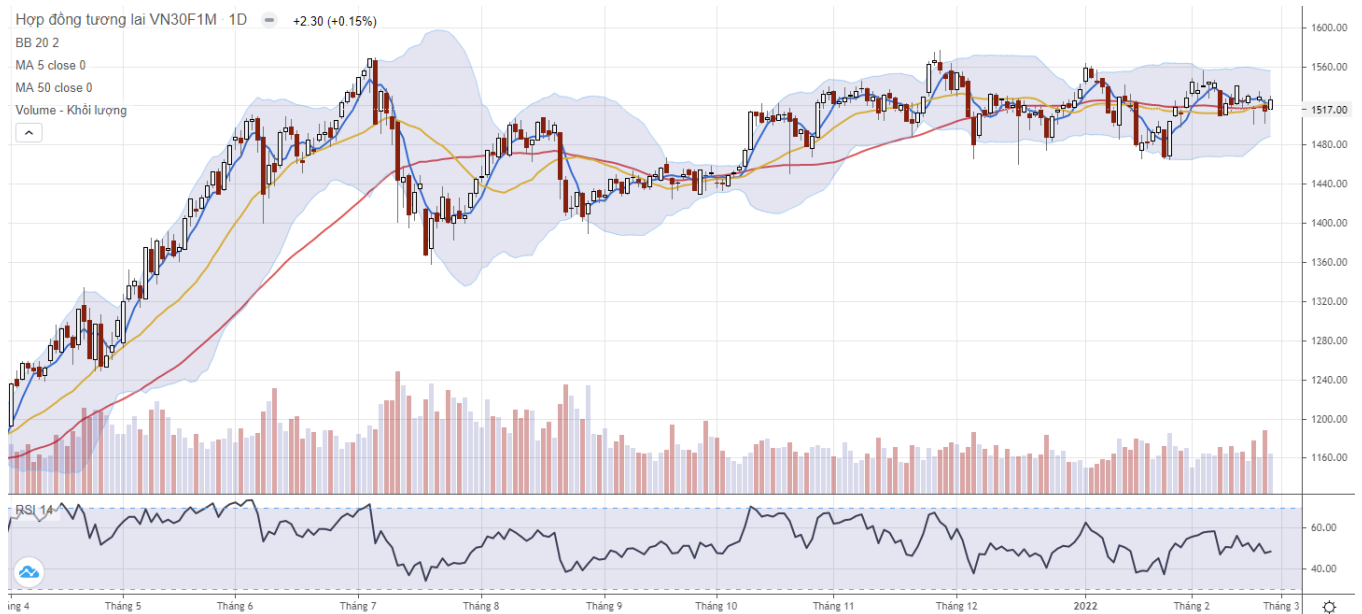
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNINDEX tăng điểm tích cực ngay từ đầu phiên trước khi dần suy yếu và đánh mất phần lớn thành quả đạt được về cuối phiên
- Vùng cản quanh 152x tiếp tục gây áp lực lên đà hồi phục của chỉ số và rủi ro điều chỉnh có thể sẽ tiếp tục xuất hiện trong phiên kế tiếp. Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng cơ hội hồi phục sau đó vẫn được đánh giá cao chừng nào vùng hỗ trợ then chốt quanh 1460 tiếp tục được giữ vững.
- Sau khi chốt lời 1 phần trong những phiên trước, NĐT được khuyến nghị có thể mở lại từng phần vị thế trading ngắn hạn quanh vùng hỗ trợ của các mã mục tiêu.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1539 – 1544

Kháng cự gần: 1525 – 1530

Hỗ trợ gần: 1508 – 1512

Hỗ trợ xa: 1491 – 1495

- F1 mở gap tăng điểm tích cực ngay từ đầu phiên trước khi dần suy yếu và đánh mất phần lớn thành quả đạt được về cuối phiên
- Vùng cản quanh 1540 tiếp tục gây áp lực lên đà hồi phục của chỉ số và rủi ro điều chỉnh có thể sẽ tiếp tục xuất hiện trong phiên kế tiếp. Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng cơ hội hồi phục sau đó vẫn được đánh giá cao chừng nào vùng hỗ trợ then chốt quanh 1460 tiếp tục được giữ vững.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở Long tại các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ mở thêm vị thế Long nếu về lại vùng hỗ trợ xa.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

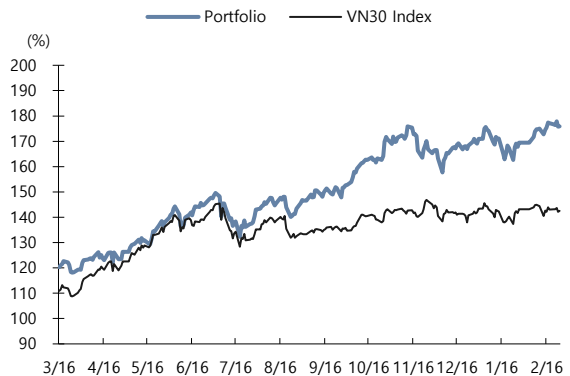
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.29%	0.13%
Tăng lũy kế (YTD)	42.56%	75.94%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 25/02/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	137,600	0.6%	78.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	53,700	2.5%	142.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	107,800	-1.1%	40.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	208,000	-1.2%	8.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	74,000	0.7%	117.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	92,300	0.3%	217.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	33,850	0.0%	79.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	117,200	-1.5%	59.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	45,900	-0.2%	217.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	57,800	1.2%	321.9%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DXG	0.0%	30.4%	96.8
STB	0.3%	18.8%	60.5
NLG	2.5%	32.2%	51.5
KBC	1.2%	18.5%	34.9
DGC	-0.1%	8.1%	33.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.2%	23.2%	-171.8
VND	2.8%	19.7%	-143.1
CTG	0.0%	26.0%	-101.9
NVL	0.4%	7.1%	-59.3
E1VFN30	0.4%	95.9%	-54.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	3.5%	8.1%	4.3
PLC	-0.4%	1.7%	3.6
SCI	1.3%	2.9%	2.1
MAS	-4.1%	14.6%	0.9
VCS	0.2%	3.8%	0.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	1.2%	6.1%	-19.3
PVS	-2.9%	9.1%	-5.5
PVG	-5.0%	1.1%	-2.1
CAP	0.0%	2.1%	-0.3
PVL	0.0%	0.6%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	5.3%	PLX, PVD
Bán lẻ	4.6%	MWG, FRT
Hóa chất	3.4%	DCM, DPM
Truyền thông	3.0%	YEG, ADG
Dịch vụ tài chính	2.6%	VND, VCI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-3.2%	HVN, VJC
Tài nguyên Cơ bản	-2.0%	HPG, HSG
Thực phẩm và đồ uống	-1.8%	MSN, VNM
Bất động sản	-1.7%	VIC, VHM
Ô tô và phụ tùng	-1.0%	TCH, CTF

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	13.0%	VJC, HVN
Hóa chất	12.9%	GVR, DPM
Dầu khí	11.4%	PLX, PVD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.3%	GEX, GMD
Truyền thông	10.8%	YEG, PNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-3.7%	VCB, BID
Bất động sản	-3.4%	VIC, VHM
Công nghệ thông tin	3.8%	STB, ICT
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.9%	GDT, TVT
Thực phẩm và đồ uống	5.5%	MSN, VNM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	395,174 (17.4)	22.5	57.4	31.1	14.7	5.7	9.5	3.1	2.8	-1.2	-3.8	17.6	-16.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	315,092 (13.9)	26.6	9.5	7.3	35.9	26.4	24.6	2.2	1.7	-0.4	-1.8	-3.3	-4.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	259,592 (11.4)	17.8	26.7	18.7	-7.6	9.1	10.3	2.3	2.2	0.0	1.2	2.6	13.0
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	203,120 (8.9)	31.3	26.0	17.7	6.7	13.9	15.1	4.3	3.1	0.4	-2.8	-3.4	-16.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	60,629 (2.7)	11.6	22.9	16.8	18.0	15.6	24.2	3.2	2.7	0.9	-1.3	6.8	4.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	381,454 (16.8)	13.9	17.4	20.8	-	14.9	12.5	2.6	2.5	0.0	11.1	33.7	23.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	151,906 (6.7)	6.3	16.5	13.2	11.7	20.6	20.8	2.9	2.5	-0.2	-2.4	11.2	8.0
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	146,018 (6.4)	12.7	17.7	12.3	-5.3	16.0	20.5	2.3	1.9	-0.1	-0.3	-9.1	20.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	556,637 (24.5)	0.0	8.3	6.9	14.3	20.9	20.4	1.6	1.3	0.4	-1.7	-2.3	1.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	397,439 (17.5)	1.4	9.2	7.1	61.1	18.9	20.9	1.5	1.2	0.0	-2.2	-8.5	-0.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	646,342 (28.4)	0.0	11.6	9.3	18.8	16.0	16.2	1.8	1.4	3.5	6.4	9.5	6.7
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	675,283 (29.7)	0.0	8.8	7.4	14.6	22.3	21.1	1.7	1.4	0.3	4.4	4.6	18.0
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	190,565 (8.4)	4.2	8.4	7.2	23.3	21.0	20.2	1.6	1.3	1.6	-0.8	-2.7	-5.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	857,320 (37.7)	14.0	13.1	9.6	26.5	13.1	16.8	1.6	1.4	0.3	-1.0	-4.9	4.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	311,246 (13.7)	0.0	9.2	7.5	37.5	22.2	23.8	2.1	1.7	1.7	2.8	5.5	2.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	35,558 (1.6)	0.2	76.0	25.3	27.3	3.1	9.1	2.4	2.2	3.9	-2.9	0.0	3.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	52,140 (2.3)	21.0	21.0	15.5	15.8	9.6	11.9	1.9	1.7	0.0	3.0	14.3	5.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	10,772 (0.5)	14.2	23.1	18.3	9.1	10.8	13.1	2.1	2.0	0.0	-2.4	11.8	-12.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	374,802 (16.5)	55.4	21.8	20.5	-3.2	13.7	14.8	-	-	2.5	1.1	6.8	-11.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	145,470 (6.4)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	3.0	3.0	14.3	-14.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	118,266 (5.2)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.7	0.0	4.7	-16.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	333,873 (14.7)	27.2	-	-	36.3	19.8	-	-	-	2.8	8.3	24.6	-4.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	164,377 (7.2)	42.1	15.9	14.6	4.0	32.3	34.0	4.7	4.4	0.4	-2.1	-0.4	-8.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	28,509 (1.3)	36.9	26.4	22.2	7.3	19.6	21.4	4.6	4.2	-0.1	0.1	17.0	12.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	131,947 (5.8)	16.5	30.3	21.6	-51.9	20.7	23.3	6.3	4.8	-0.9	-3.2	3.3	-7.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	94,565 (4.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.6	-6.5	-0.9	-25.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	127,553 (5.6)	11.0	-	63.2	-88.5	1.0	10.1	-	-	-2.0	-2.6	19.6	13.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	105,482 (4.6)	10.8	20.7	19.0	-57.0	12.3	13.9	2.5	2.4	-1.8	-2.7	17.4	6.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	357,754 (15.7)	38.4	17.8	8.4	65.7	8.2	15.7	1.5	1.3	-1.8	5.4	3.8	-29.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	140,729 (6.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	1.9	-0.5	5.2	-39.3
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	537,666 (23.6)	37.7	-	-	-13.2	11.9	14.9	-	-	4.4	2.1	13.5	1.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	60,986 (2.7)	3.6	18.5	18.3	-52.4	4.7	4.6	0.9	0.9	1.3	4.7	10.5	-10.1
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	40,614 (1.8)	0.0	11.2	9.4	-4.5	14.4	14.8	1.5	1.4	0.7	2.1	15.1	7.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	128,647 (5.7)	46.1	18.9	17.0	-17.5	21.9	23.7	4.1	3.7	-1.5	0.2	7.0	21.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	12,654 (0.6)	31.4	12.3	10.5	-10.5	14.9	16.6	1.5	-	0.4	-6.0	-0.9	-13.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,651 (0.2)	34.1	13.9	8.7	-5.1	10.3	16.7	1.4	1.4	0.5	-1.3	-1.3	-7.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	822,419 (36.2)	18.0	6.7	6.7	21.9	29.4	24.2	1.6	1.4	-0.2	-2.4	6.1	-1.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	263,867 (11.6)	36.5	12.6	17.5	-0.5	17.4	11.7	2.0	1.8	-0.6	9.8	30.2	7.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	144,256 (6.3)	46.5	13.5	16.4	-4.5	19.9	14.6	2.4	2.2	0.4	12.7	29.8	-5.7
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	250,874 (11.0)	38.9	5.9	6.5	67.9	24.8	19.7	1.3	1.1	0.8	-3.8	16.4	-4.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	76,369 (3.4)	97.2	17.3	17.4	17.2	7.0	-	1.2	1.2	1.4	-1.7	4.7	-11.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	185,960 (8.2)	4.6	20.4	18.4	-51.0	15.5	16.7	3.2	2.9	-1.6	4.3	14.7	15.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	282,007 (12.4)	39.9	32.0	15.6	-11.9	3.5	6.6	1.0	0.9	-3.9	10.9	4.0	15.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	72,461 (3.2)	35.9	9.4	7.9	1.2	16.7	16.3	1.4	1.1	-2.8	6.1	13.0	0.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	151,833 (6.7)	0.0	15.7	13.4	13.7	27.9	28.3	4.0	3.4	0.6	2.7	5.0	1.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	116,123 (5.1)	0.0	18.1	14.7	2.4	21.5	21.7	3.5	2.9	-1.1	0.7	11.1	12.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	10,031 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.9	8.8	43.4	-0.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	138,872 (6.1)	30.3	24.9	18.7	-75.2	23.5	25.6	6.9	6.2	0.2	22.0	55.1	24.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	53,248 (2.3)	34.6	10.9	-	41.2	28.0	-	-	-	-0.7	1.1	3.0	14.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,704 (0.2)	45.4	19.6	18.3	10.7	19.3	18.8	3.5	3.2	1.0	4.5	15.5	0.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	84,778 (3.7)	0.0	16.5	-	15.5	27.3	-	3.6	-	0.3	0.1	6.7	-0.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng  
tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**  
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng  
hieunn@kbsec.com.vn

**Phạm Nhật Anh**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
anhpn@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.